TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PT, TP HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số:19/2020/HNGĐ-ST
Ngày 24 - 8 - 2020
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT- THÀNH PHỐ HÀNỘI
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Bà **Đặng Thị Bích Loan**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Bà **Trần Thị Thanh**

  Bà **Kiều Thị Ninh**

- *Thư ký phiên toà*: Bà **Ngô Thị Mơ**, Thư ký Toà án nhân dân huyện PTThành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:* Ông **Nguyễn Thành Trung** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2020/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2020 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2020/QĐST- HNGĐ ngày 07/8/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Phúc N, sinh năm 1991; có mặt.

Địa chỉ: Cụm 6 (Nay là tổ dân phố số 4) thị trấn PT , huyện PT, TP Hà Nội.

- *Bị đơn*: Chị Hoàng Thị N1, sinh năm 1995; vắng mặt.

Quê quán: Thôn Đường 1, xã Mỹ Thuận, huyện TS, tỉnh PT

ĐKHKTT: Cụm 6 (Nay là tổ dân phố số 4) thị trấn PT, huyện PT, TP Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các bản tự khai tiếp theo tại Toà án, anh Nguyễn Phúc N trình bày: Anh đăng ký kết hôn cùng chị Hoàng Thị N1 là người ở thôn đường 1, xã Mỹ Thuận, huyện TS, tỉnh PT vào ngày 15/7/2014 tại UBND thị trấn PT, huyện PTtrên cơ sở được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn. Sau khi hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán thì chị N1 về sống chung cùng anh và gia đình, đồng thời chuyển hộ khẩu về tại Cụm 6 (nay là tổ dân phố 4) thị trấn PT , huyện Phúc Thọ. Ngay từ những ngày đầu giữa anh và chị N1 đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống nên thường xảy ra cãi nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Do cả hai đều cảm nhận cuộc sống chung không có hạnh phúc nên tháng 11 năm 2015 chị N1 không sống chung cùng anh nữa. Sau đó, anh đã gọi điện, nhắn tin cho chị N1 về để vợ chồng giải quyết ly hôn,

nhưng chị N1 đều không về, vì vậy, anh đã đến nhà bố mẹ đẻ chị N1 ở huyện TS, tỉnh PT nhưng không gặp chị N1 và được bố mẹ đẻ chị N1 là ông Hoàng Văn T, bà Hà Thị T1 cho biết mặc dù chị N1 không về gia đình, tuy nhiên thỉnh thoảng chị N1 vẫn liên lạc về gia đình nhưng không nói cho gia đình biết làm gì ở đâu.

Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nhung.

+ Về con chung: Không có

+ Về tài sản chung và nợ: Anh xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài việc xin ly hôn chị N1, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Do chị Hoàng Thị N1 không đến Toà án nên Toà án không lấy được lời khai và không tiến hành hoà giải được.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Phúc N kiên quyết xin được ly hôn chị N1 vì xác định tình cảm vợ chồng không còn. Về con chung: Không có. Về tài sản chung và nợ không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Việc xác định quan hệ pháp luật và tư cách người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo, việc chuyển hồ sơ, cấp tống đạt văn bản tố tụng đúng pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Xử cho anh Nguyễn Phúc N và chị Hoàng Thị N1 được ly hôn. Về con chung: Không có. Về tài sản chung và nợ: Không có.

Về án phí: anh Nphải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện PT thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của anh Nguyễn Phúc N. Quá trình giải quyết vụ án do chị Hoàng Thị N1 không đến Tòa án. Theo xác minh tại UBND thị trấn PT, huyện PT thì chị Hoàng Thị N1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Cụm 6 (nay là tổ dân phố số 4) thị trấn PT , huyện PTnhưng hiện nay chị N1 không có mặt tại địa phương. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện PT đã thực hiện Quyết định ủy thác thu thập tài liệu, chứng cứ đến Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh PT là nơi bố mẹ đẻ chị N1 đang sinh sống, được biết: Chị Hoàng Thị N1 kết hôn cùng anh Nguyễn Phúc N, sinh năm 1991, sau khi kết hôn, chị N1 về sống cùng gia đình anh N đồng thời chuyển hộ khẩu thường trú về tại địa chỉ Cụm 6, thị trấn PT, huyện PT, Thành phố Hà Nội. Đến thời điểm hiện tại, chị N1 không đăng ký hộ khẩu thường trú hay đăng ký tạm trú tại UBND xã Mỹ Thuận, huyện TS, tỉnh PT.

Như vậy, có căn cứ xác định chị Hoàng Thị N1 có hộ khẩu thường trú tại Cụm 6 (nay là tổ dân phố số 4) thị trấn PT, huyện PT, Thành phố Hà Nội. Vì vậy, căn cứ Điều 35 Bộ luật

tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện PT thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng và đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định, nhưng tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chị Hoàng Thị N1 đều vắng mặt nên Toà án không tiến hành lấy lời khai và không hoà giải được. Vì vậy, căn cứ Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện PT ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên toà, chị Hoàng Thị N1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Hoàng Thị N1.

- Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Phúc N và chị Hoàng Thị N1 kết hôn hợp pháp, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn PT, huyện PT vào ngày 15/7/2014. Quá trình sống chung, anh N và chị N1 đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân: Theo anh N do vợ chồng không hợp nhau và bất đồng về quan điểm sống nên thường xảy ra cãi nhau nên vợ chồng sống chung không hạnh phúc. Vì vậy, từ tháng 11 năm 2015 đến nay vợ chồng sống ly thân nhau không ai quan tâm đến cuộc sống của ai.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh N kiên quyết xin ly hôn chị N1 vì xác định tình cảm vợ chồng không còn. Phía chị N1 vắng mặt nhưng theo lời khai của ông Hoàng Văn T là bố đẻ chị N1 cho biết: Vợ chồng anh N, chị N1 sống chung cùng nhau được một thời gian ngắn thì chị N1 về sống chung cùng gia đình ông một thời gian, sau đó chị N1 đi làm thi thoảng mới về. Hiện nay, chị N1 làm gì, ở đâu ông và gia đình không biết. Từ nhiều năm nay, anh N và gia đình ông cũng chấm dứt mọi quan hệ. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh N và chị N1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho anh N được ly hôn chị N1.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và nợ: Anh N xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp nếu chị N1 có yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ thì được giải quyết bằng một vụ án khác.

- Về án phí: anh Nguyễn Phúc N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên**,**

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

+ Anh Nguyễn Phúc N được ly hôn chị Hoàng Thị N1.

+ Về con chung: Không có.

+ Về tài sản chung và nợ: Không có.

- Về án phí: Anh Nguyễn Phúc N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003079 ngày 18/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT, Thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự: Anh Nguyễn Phúc N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Hoàng Thị N1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận
- *TAND thành phố Hà Nội*;
- *VKSND huyện Phúc Thọ;*
- *THADS huyện Phúc Thọ;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

Đặng Thị Bích Loan

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

<u>Nơi nhận</u> **T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- *TAND thành phố Hà Nội*;
- *VKSND huyện Phúc Thọ;*
- THADS huyện Phúc Thọ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

Đặng Thị Bích Loan